

Số: 02/2022/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung

Ông Đinh Thanh Hải

Căn cứ vào các Điều 212; 213; 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 8, 9 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST- DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản và hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất”.

XÉT THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện, tại các bản khai của nguyên đơn và lời khai của ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn S trình bày: Thừa đất số 47, tờ bản đồ địa chính số 36, diện tích 449,2 m² trong đó có 50 m² đất ở đô thị và 399,2 m² đất trồng cây lâu năm. Ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị T1 được UBND thành phố Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 18/6/2004 mang tên hộ bà Đỗ Thị T1 là nơi ở duy nhất của gia đình ông S và bà T1.

Anh Lê Văn T là con trai của ông S và bà T1 bị di chứng chất độc da cam và là người nghiện ma túy. Ông S không tặng cho thừa đất nêu trên cho anh Lê Văn T. Hợp đồng tặng cho QSD đất giữa ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị T1 với anh Lê Văn T được UBND phường PĐP, thành phố Thái Nguyên chứng thực ngày 17/01/2014 là do anh T đã lừa dối ông và đưa cho ông 01 tập giấy tờ bảo ông ký cho mấy chữ để cho anh T đi cai nghiện, thực tế ông S sinh sống trên thửa đất này. Tại thời điểm đó bà T1 (vợ ông S) bị tai biến nằm bất động tại nhà không còn khả năng nhận thức. Anh T có dẫn 1 cô cán bộ phường vào nhà để lãn tay điểm chỉ với bà T1 vì bà T1 liệt nửa người do tai biến, thực tế là ông S và bà T1 không đi ra UBND phường PĐP, thành phố Thái Nguyên ký hợp đồng tặng cho

QSD đất và tài sản gắn liền với đất. Ông S cũng không biết việc anh T chuyển nhượng nhà đất của ông cho bà Nghiêm Thị H, chỉ đến khi bà H cho người đến nhà ông S đuổi ông S ra khỏi nhà để trả nhà đất cho bà H lúc đó ông S mới biết anh T bán nhà đất cho bà H, lúc này anh T không còn ở cùng ông S nữa. Ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị T1 với anh Lê Văn T lập ngày 17/01/2014 tại UBND phường PDP, thành phố Thái Nguyên; Hủy Giấy chứng nhận QSD đất mang tên Lê Văn T; Hủy Giấy chứng nhận QSD đất mang tên bà Nghiêm Thị H do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 12/12/2014.

Anh Lê Văn T trình bày: Ông Lê Văn S là bố anh, ngày 17/01/2014 anh không ra UBND phường PDP, thành phố Thái Nguyên ký hợp đồng tặng cho QSD đất, hợp đồng này anh cũng không ra phường ký, việc bà T1 điếm chỉ là điếm chỉ tại nhà, thời gian đó bà T1 bị tai biến não nằm một chỗ cho nên không ra phường điếm chỉ được, việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất anh nhờ anh V làm cho vì khi đó bố anh có cho anh Lê Văn Chiến 1 mảnh đất và anh Chiến chuyển nhượng cho anh V, anh V làm thủ tục luôn cho cả anh. Sau khi có giấy chứng nhận QSD đất mang tên anh, anh có vay bà Nghiêm Thị H khoảng 900.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà H. Số tiền 900.000.000 đồng anh lấy làm nhiều lần nên không có giấy giao nhận tiền. Trong hợp đồng ghi giá trị chuyển nhượng QSD đất là 500.000.000 đồng nhưng thực tế anh bán cho bà H giá 900.000.000 đồng không có giấy biên nhận tiền và không có giấy giao nhà vì bố anh vẫn ở trong căn nhà này. Ông S không biết việc anh bán nhà cho bà H. Nay ông S khởi kiện, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng nhà đất với bà H thực chất là anh thế chấp giấy chứng nhận QSD đất để vay tiền sau đó bà H làm thủ tục sang tên bà H, nay bà H có đơn phản tố, anh đề nghị các anh chị em trong nhà anh muốn lấy nhà thì trả tiền cho bà H theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/03/2014 tại phòng công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên. Bản thân anh đang cải tạo tại trại giam Ngọc Lý mức án 20 năm nên không có tiền trả bà H.

Trong đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của bà Nghiêm Thị H gửi Tòa án ngày 09/8/2017, bà H nêu: Ngày 10/3/2014 bà mua nhà và đất thửa đất số 47, tờ bản đồ địa chính số 36, diện tích 449,2 m² trong đó có 50 m² đất ở đô thị và 399,2 m² đất trồng cây lâu năm của anh Lê Văn T (con trai ông S). Khi mua hai bên đều kiểm tra nguồn gốc hợp pháp, anh T cho bà H xem giấy tờ là giấy chứng nhận QSD đất mang tên Lê Văn T do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 21/02/2014 bà H nhất trí mua, hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên ngày 10/3/2014, anh T bán nhà đất cho bà H còn bà H giao tiền cho anh T. Ngày 15/11/2014 anh T viết giấy cam kết về việc bán nhà đất cho bà H và đã nhận đủ

tiền đồng thời xin bà H cho anh T được ở nhờ đến hết ngày 15/02/2015 bà H đồng ý cho anh T ở nhờ. Ngày 12/12/2014 bà Nghiêm Thị H được UBND thành phố Thái Nguyên cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ địa chính số 36, diện tích 449,2 m² trong đó có 50 m² đất ở đô thị và 399,2 m² đất trồng cây lâu năm, Địa chỉ thửa đất thuộc phường PĐP, thành phố Thái Nguyên. Ngày 15/02/2015 bà H yêu cầu anh T chuyển đi giao trả nhà đất cho bà H theo đúng cam kết anh T đã viết nhưng anh T không thực hiện cam kết, anh T vẫn ở trên căn nhà đất bà H đã mua và đến nay bà H vẫn chưa được anh T bàn giao đất và tài sản trên đất. Nay bà H yêu cầu anh Lê Văn T giao trả nhà đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ địa chính số 36, diện tích 449,2 m² trong đó có 50 m² đất ở đô thị và 399,2 m² đất trồng cây lâu năm cho bà H vì nhà đất bà H đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bà H và mua của anh T là ngay tình.

Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Thái Nguyên trình bày:

Ngày 17/01/2014 UBND phường PĐP, thành phố Thái Nguyên chứng thực hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị T1 với anh Lê Văn T; Điều trú tại: Tổ 32, phường PĐP, thành phố Thái Nguyên. Theo nội dung của hợp đồng ông S và bà T1 tặng cho anh Lê Văn T 449,2 m² đất trong đó có 50 m² đất thổ cư và 399,2 m² đất vườn tấp tại thửa 47, tờ bản đồ số 36 thuộc tổ 32, phường PĐP, thành phố Thái Nguyên.

UBND thành phố Thái Nguyên thấy rằng Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập tại UBND phường PĐP giữa các bên đương sự đã có sự thay đổi tên chủ sở hữu đất cho anh Lê Văn T; anh Lê Văn T đã chuyển nhượng cho bà Nghiêm Thị H theo quy trình, thủ tục pháp luật quy định. Khi các đương sự làm thủ tục tại bộ phận một cửa của UBND thành phố Thái Nguyên thì không thấy có đơn thư khiếu nại nào của đương sự.

Nay Ông Lê Văn S đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị T1 với anh Lê Văn T lập ngày 17/01/2014 tại UBND phường PĐP, thành phố Thái Nguyên; Hủy GCNQSD đất mang tên Lê Văn T; Hủy GCNQSD đất mang tên bà Nghiêm Thị H do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 12/12/2014. Quan điểm của UBND thành phố Thái Nguyên không ra Quyết định thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho anh T, bà H. Nếu việc sang tên cho anh Lê Văn T; bà Nghiêm Thị H có vi phạm pháp luật trong việc công chứng, chứng thực và chuyển nhượng QSD đất, đề nghị Tòa án là cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Đại diện UBND phường PĐP, thành phố Thái Nguyên trình bày: Về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị T1 và bên nhận tặng cho là anh Lê Văn T ngày 17/01/2014 ông S và anh T ký trực tiếp trước mặt ông và cán bộ chuyên môn, riêng bà T1 không đến nhưng

cán bộ phường PDP đến tận nhà ông S cho bà T1 ký hợp đồng tặng cho QSD đất và sổ chứng thực hợp đồng, lý do bà T1 không đến ký vì sức khỏe yếu. Ngày 10/01/2014 ông S có đến phường nộp 01 bộ hồ sơ chuyển nhượng QSD đất cho ông Nguyễn Tuấn V vợ là Trương Thị Hữu và 01 bộ hồ sơ tặng cho QSD đất anh Lê Văn T. Hợp đồng tặng cho QSD đất mà UBND phường chứng thực giữa ông S, bà T1 và anh T do các bên tự kê khai, trong hợp đồng chỉ thể hiện việc tặng cho QSD đất chứ không tặng cho nhà. Nay các đương sự tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của bà Dương Thị Kim C – Nguyên là công chứng viên phòng công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên trình bày: Ngày 10/3/2014 tại phòng công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên, tôi đã công chứng hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất giữa: Bên chuyển nhượng: Anh Lê Văn T; Trú tại: Phường PDP, thành phố Thái Nguyên và Bên nhận chuyển nhượng: Bà Nghiêm Thị H; Trú tại: Phường PDP, thành phố Thái Nguyên do hai bên thỏa thuận chuyển nhượng nhà và đất trên cơ sở anh T đã có giấy chứng nhận QSD đất mang tên Lê Văn T, việc các bên chuyển nhượng tài sản cho nhau là tự nguyện, không có đơn từ nào của cá nhân, tổ chức đề nghị dừng việc công chứng. Tôi không được chứng kiến các bên giao tiền cho nhau tại phòng công chứng vì phòng công chứng lúc nào cũng đông khách.

Người làm chứng: Ông Quách Xuân T2 – Nguyên là Bác sỹ quân y Lữ đoàn 210 – Quân khu I, bà Phạm Thị Đ- Tổ trưởng tổ 19 phường PDP, thành phố Thái Nguyên, anh Lê Khánh Việt và chị Hoàng Thị Thu Hường là những người ở gần nhà ông S, bà T1 đều xác định tại thời điểm cuối năm 2013 đầu năm 2014 bà Đỗ Thị T1 bị đột quỵ, tai biến mạch máu não, liệt nằm bất động, mất ý thức, không có khả năng nhận biết và giao tiếp với mọi người và tại thời điểm đó thì anh Lê Văn T là người nghiện ma túy.

Ông Nguyễn Tuấn V trình bày: Khoảng năm 2013 đầu năm 2014 ông có làm thủ tục chuyển nhượng đất đối với thửa đất số 47, diện tích 616,2m² của ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị T1, mọi thủ tục chuyển nhượng QSD đất ông V nhờ dịch vụ chỉ nhớ là ông Hải, không biết địa chỉ ông Hải ở đâu. Tại thời điểm đó ông S và bà T1 cũng làm thủ tục tặng cho anh Lê Văn T khi đó bà T1 vẫn tỉnh táo nói chuyện. Việc ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông V và cho anh T được thực hiện tại nhà ông S và bà T1, ông V và anh T không đến UBND phường ký Hợp đồng. Sau khi có giấy chứng nhận QSD đất thì ông Hải đưa cho ông V cả hai giấy chứng nhận QSD đất mang tên Nguyễn Tuấn V và Lê Văn T, ông V đã đưa giấy chứng nhận QSD đất cho anh Lê Văn T, việc anh T chuyển nhượng cho ai thì ông V không biết.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 05/03/2020 Hội đồng định giá đã định giá: Tổng tài sản định giá Nhà+ đất: 406.322.848 đồng.

Tại phiên tòa ngày 22 tháng 9 năm 2022 các đương sự đã thống nhất, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 17/01/2014 giữa bên tặng cho là ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị T1 đối với bên được tặng cho ông Lê Văn T đối với thửa đất số 47 tờ bản đồ số 36 có diện tích 449,2m². Địa chỉ thửa đất tổ 32 (nay là tổ 19) phường PDP, thành phố Thái Nguyên.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/3/2014 giữa bên chuyển nhượng ông Lê Văn T với bên nhận chuyển nhượng bà Nghiêm Thị H đối với thửa đất số 47 tờ bản đồ số 36 có diện tích 449,2m². Địa chỉ thửa đất tổ 32 (nay là tổ 19) phường PDP, thành phố Thái Nguyên.

Ông Lê Văn S nhất trí trả cho bà Nghiêm Thị H và ông Trần Quốc Thái số tiền 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng).

Bà Nghiêm Thị H và ông Trần Quốc T3 nhất trí trả lại cho ông Lê Văn S thửa đất số 47, tờ bản đồ số 36 có diện tích 449,2 m² đất trong đó có 50 m² đất ở đô thị và 399,2 m² đất trồng cây lâu năm thuộc phường PDP, thành phố Thái Nguyên, đã có giấy chứng nhận QSD đất số BU 693791 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 12/12/2014 mang tên bà Nghiêm Thị H.

Ông Lê Văn S được quyền quản lý, S dụng đất số 47, tờ bản đồ số 36 có diện tích 449,2 m² đất trong đó có 50 m² đất ở đô thị và 399,2 m² đất trồng cây lâu năm thuộc phường PDP, thành phố Thái Nguyên do bà Nghiêm Thị H và ông Trần Quốc T3 trả lại.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn S. Ông S được trả lại tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nghiêm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1929;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 32 (nay là tổ 19), phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái nguyên.

Ủy quyền cho: Ông Trần Văn T, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Tổ 8 (nay là tổ 4), phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2017 tại phòng công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên).

Người bảo V quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc K, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư HV, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. Cộng tác viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1975;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 32 (nay là tổ 19), phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang cải tạo tại phân trại số 3 Trại giam Ngọc Lý, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Nghiêm Thị H, sinh năm 1972;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 7, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Số 47 NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nghiêm Thị H: Bà Thiệu Thị Thanh H1 - Luật sư, Văn phòng Luật sư Hà Thái, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2017 tại UBND phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:

+ Ông Trần Quốc T3, sinh năm 1967; Có mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 7, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Số 47 NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quốc T3: Bà Thiệu Thị Thanh H1 - Luật sư, Văn phòng Luật sư Hà Thái, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2017 tại UBND phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

+ UBND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Công I – Chức vụ Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi T2 thành phố Thái Nguyên.

+ UBND phường PĐP, thành phố Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình T4 – Chức vụ, Chủ tịch UBND phường PĐP, thành phố TN.

+ Phòng công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên: Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thùy L – Chức vụ: Phó Trưởng phòng.

+ Bà Lê Thị H2, sinh năm 1959;

Trú tại: Xóm T, xã HT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Bà Nguyễn Thị Phương TH, sinh năm 1954. Trú tại: Tổ 4, phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Lê Văn M, sinh năm 1962;

Trú tại : tổ 7, phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Lê Văn C1, sinh năm 1973;

Trú tại: Tổ 19, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Lê Thị V1, sinh năm 1970

Nơi ở: Tại Đài Loan.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 17/01/2014 giữa bên tặng cho là ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị T1 đối với bên được tặng cho ông Lê Văn T đối với thửa đất số 47 tờ bản đồ số 36 có diện tích 449,2m². Địa chỉ thửa đất tổ 32 (nay là tổ 19) phường PDP, thành phố Thái Nguyên.

2.2 Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/3/2014 giữa bên chuyển nhượng ông Lê Văn T với bên nhận chuyển nhượng bà Nghiêm Thị H đối với thửa đất số 47 tờ bản đồ số 36 có diện tích 449,2m². Địa chỉ thửa đất: Tổ 32 (nay là tổ 19) phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Bà Nghiêm Thị H và ông Trần Quốc T3 nhất trí trả lại cho ông Lê Văn S thửa đất số 47, tờ bản đồ số 36 có diện tích 449,2 m² đất trong đó có 50 m² đất ở đô thị và 399,2 m² đất trồng cây lâu năm thuộc phường PDP, thành phố Thái Nguyên đã có giấy chứng nhận QSD đất số BU 693791 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 12/12/2014 mang tên bà Nghiêm Thị H

2.3 Ông Lê Văn S được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 36 có diện tích 449,2 m² đất trong đó có 50 m² đất ở đô thị và 399,2 m² đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất: Tổ 32 (nay là tổ 19) phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên do bà Nghiêm Thị H và ông Trần Quốc T3 trả lại.

- Ông Lê Văn S có trách nhiệm trả cho bà Nghiêm Thị H và ông Trần Quốc T3 số tiền 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ T2 hợp pháp luật có quy định khác.

2.4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn S. Hoàn trả cho ông Lê Văn S 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005188 ngày 30/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên

Bà Nghiêm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí được chuyển từ số tiền tạm ứng án theo biên lai thu tiền số 0005435 ngày 10/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương